

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch: Điều tra, đánh giá các điểm có khả năng nhiễm dioxin, kim loại nặng tại Khu vực 6, phường Trần Quang Diệu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1059/TTr-STNMT ngày 18/12/2018 và đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 189/STC-TCHCSN ngày 23/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch triển khai nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá các điểm có khả năng nhiễm dioxin, kim loại nặng tại Khu vực 6, phường Trần Quang Diệu” cụ thể như sau:

1. Tên Kế hoạch: Điều tra, đánh giá các điểm có khả năng nhiễm dioxin, kim loại nặng tại Khu vực 6, phường Trần Quang Diệu.

2. Cơ quan lập kế hoạch: Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Mục tiêu: Đánh giá phân loại, xác định các điểm nhiễm dioxin, kim loại nặng tại Khu vực 6 phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Trên cơ sở đó, đề xuất các phương án xử lý, cải tạo môi trường trong trường hợp phát hiện nồng độ dioxin, kim loại nặng tồn lưu vượt quá ngưỡng cho phép.

4. Phạm vi của Kế hoạch: Phạm vi nghiên cứu: khu dân cư tại khu vực 6 phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Nội dung của Kế hoạch:

a. Tổ chức điều tra, khảo sát thu thập số liệu:

- Tổng hợp, rà soát các tài liệu, số liệu sẵn có tại một số đơn vị liên quan: Sở Y tế, UBND phường Trần Quang Diệu, Liên đoàn địa chất Trung Trung Bộ.

- Khảo sát sơ bộ tại địa điểm.

- Khảo sát, điều tra người dân về điều kiện vệ sinh môi trường, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của người dân tại khu vực trên bằng phiếu điều tra.

- Lấy mẫu nước giếng, mẫu đất, mẫu trầm tích sông tại một số hộ dân để phân tích hàm lượng dioxin, kim loại nặng trong nước và đất.

- Tổng hợp số liệu sẵn có, số liệu quan trắc phân tích mẫu và thông tin, số liệu thu thập được từ phiếu điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác đánh giá.

b. Tổng hợp báo cáo:

- Đặc điểm dân cư, kinh tế, xã hội tại khu vực 6 phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn.

- Đánh giá kết quả lấy mẫu phân tích hàm lượng dioxin, kim loại nặng trong nước giếng, mẫu đất và hàm lượng dioxin trong trầm tích tại khu vực.

- Đánh giá sơ bộ tác động của dioxin, kim loại nặng đến đời sống nhân dân và hệ sinh thái khu vực.

- Đề xuất các phương án xử lý đối với điểm có dioxin vượt ngưỡng.

- Đánh giá các phương án xử lý để lựa chọn phương án tối ưu.

c. Tổ chức Hội đồng

- Hội thảo khoa học lấy ý kiến các Sở ngành, các đơn vị liên quan của tỉnh.

- Hội đồng nghiệm thu kết quả nhiệm vụ.

5. Sản phẩm của Kế hoạch:

- Báo cáo tổng hợp.

6. Dự toán kinh phí thực hiện: **275.700.000 đồng.** (Hai trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng) (Dự toán kinh phí chi tiết kèm theo).

7. Nguồn vốn thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường sử dụng nguồn kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đã được giao năm 2019 tại Quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh để thực hiện.

8. Tiến độ tổ chức thực hiện: năm 2019.

9. Đơn vị thực hiện, phối hợp

- Đơn vị quản lý: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Đơn vị thực hiện: Chi cục Bảo vệ môi trường.

- Đơn vị phối hợp: đơn vị đủ chức năng lấy mẫu phân tích và đánh giá các điểm nhiễm dioxin, Sở Y tế, UBND thành phố Quy Nhơn, UBND phường Trần Quang Diệu và các đơn vị liên quan.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Chủ tịch UBND phường Trần Quang Diệu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *le*

Nơi nhận:

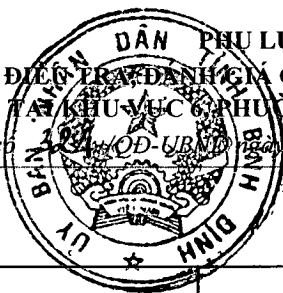
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10 *le*



Trần Châu

KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH: ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỂM CÓ KHẢ NĂNG NHIỄM DIOXIN, KIM LOẠI NẶNG TẠI KHU VỰC 6 PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU

(Kèm theo Quyết định số **29** /01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)



ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1	Thu thập thông tin, tài liệu thông tin chung				1.789.385	
	Thu thập số liệu sẵn có (2 người x 2 ngày)	đồng/người/ngày	94.773	4	379.091	QĐ số 70/2017/QĐ-UBND
	Tổng hợp, phân tích số liệu (2 KS2 x 4 ngày)	đồng/người/ngày	176.287	8	1.410.294	Đơn giá ngày công lao động kỹ thuật vận dụng TT 136/2017/TT-BTC
2	Khảo sát sơ bộ hiện trường khu vực				15.983.520	
2,1	Phòng vấn các bên liên quan để thu thập thông tin và kiểm chứng rà soát tài liệu				4.912.227	
	Lập mẫu phiếu điều tra	Mẫu phiếu	300.000	2	600.000	QĐ số 70/2017/QĐ-UBND
	Chi cho cá nhân cung cấp thông tin	đồng/phiếu	30.000	100	3.000.000	QĐ số 70/2017/QĐ-UBND
	Chi cho tổ chức cung cấp thông tin	đồng/phiếu	70.000	3	210.000	QĐ số 70/2017/QĐ-UBND
	Công thực tế đi điều tra (2 người x 5 ngày)	đồng/người/ngày	94.773	10	947.727	QĐ số 70/2017/QĐ-UBND
	In ấn photo phiếu điều tra	đồng/phiếu	1.500	103	154.500	Theo thực tế
2,2	Khảo sát nhanh tại hiện trường (2 KS1 x 3 ngày)	đồng/người/ngày	154.499	6	926.991	Đơn giá ngày công lao động kỹ thuật vận dụng TT 136/2017/TT-BTC
2,3	Tổng hợp số liệu khảo sát và lập báo cáo về khu vực khảo sát (3 KS2 x 5 ngày)	đồng/người/ngày	176.287	15	2.644.301	Đơn giá ngày công lao động kỹ thuật vận dụng TT 136/2017/TT-BTC
2,4	Chi phí khác có liên quan				7.500.000	
	Vé tàu Hà Nội-Quy Nhơn và ngược lại	đồng/người	2.000.000	2	4.000.000	Theo thực tế
	Thuê xe máy đi khảo sát	đồng			1.000.000	Theo thực tế
	Phòng nghỉ	đồng/người/ngày	500.000	5	2.500.000	
3	Tổ chức quan trắc, đo đạc, phân tích mẫu				242.354.610	
	Phân tích mẫu	đồng			236.854.610	Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt chi tiết số lượng mẫu, đơn giá mẫu và kiểm tra giám sát việc thực hiện trên thực tế
	Thuê xe ô tô đi lấy mẫu	đồng			2.000.000	Theo thực tế
	Lập báo cáo quan trắc	đồng/báo cáo			3.500.000	
4	Xây dựng báo cáo tổng hợp	đồng/báo cáo	3.500.000	1	3.500.000	
5	Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ				11.914.000	
	Chủ tịch hội đồng	đồng/người/buổi	300.000	1	300.000	QĐ số 70/2017/QĐ-UBND
	Thành viên	đồng/người/buổi	150.000	7	1.050.000	QĐ số 70/2017/QĐ-UBND
	Văn phòng phẩm	đồng/người	8.000	8	64.000	Theo thực tế
	Photo báo cáo	đồng/bộ	15.000	8	120.000	Theo thực tế
	Nước uống	đồng/người	7.500	8	60.000	Theo thực tế

Thủ trưởng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
	Mời chuyên gia tham gia hội đồng trong trường hợp có phát hiện Dioxin (02 người)				-	
	Vé máy bay	đồng/người	4.000.000	2	8.000.000	Theo thực tế
	Phòng nghỉ	đồng/người/ngày	450.000	4	1.800.000	Theo thực tế
	Phụ cấp lưu trú	đồng/người/ngày	130.000	4	520.000	Theo thực tế
6	In ấn báo cáo tổng kết	đồng/báo cáo	20.000	8	160.000	Theo thực tế
	Tổng cộng				275.701.514	
	Làm tròn				275.700.000	

Ule